TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2017
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn To

2. Ông Vũ Hồng Điều

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 56/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1980

Bị đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Chị T, anh P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên chị và anh Trần Thanh P đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi cưới, vợ chồng sống bên chồng tại khu phố 9, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An đến nay. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh P, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn chơi và quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, vì thương con, chị đã nhiều lần khuyên nhủ, nhưng anh P vẫn không thay đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh P.

Về nuôi con chung: Chị và anh P có 02 con chung tên Trần Thanh Thủy T, sinh ngày 17/02/2005 và Trần Thanh Tuệ M, sinh ngày 20/3/2011, hai cháu hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như Chị T trình bày là đúng. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn, anh cũng thừa nhận là trước đây anh có quan hệ tình cảm với nhiều người, tuy nhiên 03 năm nay anh đã thay đổi. Sở dĩ, anh không có mặt tại nhà là vì trước đây do kinh tế gia đình khó khăn, nên anh phải đi làm xa, không chăm sóc tốt cho vợ con. Hiện nay anh đã nhận ra lỗi của mình, muốn được trở về đoàn tụ với gia đình, để chăm sóc, bù đắp cho vợ và các con. Vì vậy, anh không đồng ý trước yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

Về nuôi con chung: anh và Chị T có 02 con chung tên Trần Thanh Thủy T, sinh ngày 17/02/2005 và Trần Thanh Tuệ M, sinh ngày 20/3/2011, hai cháu hiện đang sống với anh chị. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý để Chị T tiếp tục nuôi hai con, anh không cấp dưỡng. Tuy nhiên, anh sẽ có trách nhiệm phụ Chị T trong việc nuôi dạy hai con.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: anh xác định trong quá trình vợ chồng chung sống không có tài sản, cũng như không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị T và anh P vẫn giữ nguyên ý kiến của mình không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh P, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của Chị T:

Chị T và anh P xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn các đương sự trình bày thống nhất là do anh P có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, từ đó làm cho Chị T không còn tin tưởng anh P, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay cả hai không thể hàn gắn được, tại phiên tòa hôm nay Chị T trình bày là không còn tình cảm với anh P. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị T anh P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh P và Chị T có hai con chung tên Trần Thanh Thủy T, sinh ngày 17/02/2005 và Trần Thanh Tuệ M, sinh ngày 20/3/2011. Xét thấy, tại bản tự khai cháu Tiên có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay Chị T và anh P thống nhất, để Chị T tiếp tục nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật, nên Hội đồng xét xử sẽ giao hai cháu Tiên và Mẫn cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: Chị T và anh P đều trình bày thống nhất là vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định định tại Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với anh Trần Thanh P.

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T được quyền nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Thanh Thủy T, sinh ngày 17/02/2005 và Trần Thanh Tuệ M, sinh ngày 20/3/2011. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Thanh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân dân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005162 ngày 20/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Chị T đã nộp xong.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Bến Lức.
-THA huyện Bến Lức.
-Các đương sự.
-UBND phường A, quận B;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hiền